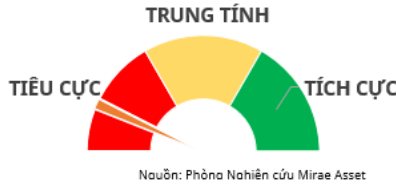


14 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,052.89	-1.1	1.2	-28.5
HNX	207.25	-1.2	2.3	-51.1
UPCOM	78.69	-0.8	3.9	-30.6
MSCI EM	997.03	0.3	5.5	-10.8
NIKKEI	28,493.47	1.2	4.7	4.9
HANG SENG	20,438.81	0.5	6.2	-5.0
KOSPI	2,571.49	0.4	9.5	-5.3
FTSE	7,858.01	0.2	2.9	3.2
S&P 500	4,146.22	1.3	5.8	-5.6
NASDAQ	12,166.27	2.0	6.5	-8.9

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.9	1.7	13.7
Indonesia	15.5	1.9	12.1
Philippines	14.3	1.5	10.0
Malaysia	15.1	1.3	10.3
Thái Lan	19.4	1.6	8.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	-3	-101	48
TPCP 10 năm	3.3	-1	-80	32

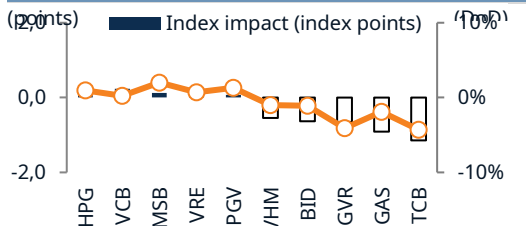
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,446	0.0	-0.6	2.4
US\$/KRW	1,299.1	-0.9	-0.8	5.6
US\$/JPY	132.4	-0.1	-1.4	5.1
US\$/EUR	0.90	-0.1	-3.0	-2.1
US\$/GBP	0.80	0.1	-2.8	4.5
US\$/SGD	1.33	0.3	-1.5	-2.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	427	418	408
HNX	52	49	43
UPCOM	26	16	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Điều chỉnh sau 3 tuần tăng điểm, VN-Index chốt tuần sát 1.050

Diễn biến điều chỉnh đã tiếp tục trong tuần, sau khi tăng nhẹ lên vùng 1.074 VN-Index đã chịu áp lực bán mạnh và chinh thức rời khỏi mốc 1.070. Khi chạm ngưỡng 1.060, chỉ số đã có diễn biến hồi phục nhưng chỉ duy trì được 1 phiên và tiếp tục giảm sâu hơn sau đó. VN-Index chốt tuần tại 1.052,89, giảm 16,82 điểm (-1,57%) so với cuối tuần trước và cũng là tuần giảm điểm đầu tiên sau 3 tuần tăng liên tiếp.

Khi các bluechip khác chịu áp lực điều chỉnh, NVL bất ngờ vươn lên dẫn đầu danh sách 10 cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến VN-Index trong tuần, với mức tăng 6% NVL đã giúp VN-Index tăng 0,4 điểm. Chiều giảm điểm, VCB dẫn đầu danh sách ảnh hưởng tiêu cực khi giảm 1,8% kéo VN-Index giảm 1,9 điểm, SAB đứng thứ 2 với mức ảnh hưởng -1,6 điểm lên chỉ số.

Khối ngoại đã bán ròng cả 5 phiên trong tuần với tổng giá trị 1.734 tỷ đồng. STB, HPG và VND là 3 cổ phiếu bị bán ròng lớn nhất với giá trị lần lượt 287 tỷ đồng, 261 tỷ đồng và 190 tỷ đồng. Chiều mua ròng khối này chỉ mua vào duy nhất HDB có giá trị trên 100 tỷ đồng.

Kết thúc phiên hôm nay, nhịp điều chỉnh của VN-Index đã kéo dài 7 phiên sau nhịp tăng 12 phiên, trong đó có chuỗi 10 phiên tăng điểm liên tiếp. Chốt tuần tại 1.052,89 chỉ số đã để mất 2 ngưỡng quan trọng là MA 20 ngày (1.059) và MA 20 tuần (1.057), do đó xu hướng ngắn hạn đã trở nên tiêu cực. Chúng tôi giữ nguyên xu hướng trung hạn là Đi ngang với, vùng 1.052 hiện tại có hỗ trợ là chỉ báo MA 10 tuần. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-5 (TIÊU CỰC)**. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,9x.

Phạm Bình Phương Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (14/04/2023)	Kháng cự 1	1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.030

Để mất ngưỡng MA 20 ngày (1.059) và MA 20 tuần (1.057) xu hướng ngắn hạn của VN-Index đang ở trạng thái giảm, trong khi đó xu hướng trung hạn giữ nguyên đánh giá đi ngang.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (13/04/2023)	1.063,1	Kháng cự 1	1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.130
VN30 – đóng cửa	1.063,43	Hỗ trợ 1	1.060
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-0,33	Hỗ trợ 2	1.030

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC

VN30F1M đang kiểm định tại vùng hỗ trợ tại 1,063 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FMC	Thủy sản	42,000	59,175	99	4	Top sức mạnh ngành
CSV	Hóa chất	30,950	235,630	100	4	Top sức mạnh ngành
GMD	Kho bãi, hậu cần	53,800	680,635	75	6	
TV2	Điện	24,050	94,490	99	6	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
GMD	53.8	680,635	6	KHẢ QUAN	16,214	17.7	2.3	37
EIB	19.75	2,939,635	5	KHẢ QUAN	29,137	9.9	1.4	58
PAN	18.15	1,688,065	5	KHẢ QUAN	3,791	10.1	0.8	31
CTF	37	625,250	5	KHẢ QUAN	2,813	25.5	3.1	23
DGC	54.3	1,747,360	4	KHẢ QUAN	20,622	3.9	2.0	95
TPB	23.2	4,071,350	4	KHẢ QUAN	36,697	5.9	1.1	94
HDC	32.45	1,272,140	4	KHẢ QUAN	3,507	8.6	1.9	41
KDC	62	1,426,240	3	TRUNG TÍNH	15,948	41.9	2.3	88
BSR	16.3	7,194,635	2	TRUNG TÍNH	50,848	3.5	1.0	117
PVS	25.6	4,511,765	2	TRUNG TÍNH	12,236	13.8	1.0	116
MSN	78.1	1,282,295	2	TRUNG TÍNH	111,193	31.1	4.3	100
PVD	20.5	3,882,915	2	TRUNG TÍNH	11,396	#N/A N/A	0.8	80
FRT	65	1,125,275	2	TRUNG TÍNH	7,701	19.7	3.8	73
DGW	32.8	2,114,180	2	TRUNG TÍNH	5,480	7.8	2.2	69
HAG	7.7	8,270,830	2	TRUNG TÍNH	7,141	6.3	1.4	64
HDB	19.5	3,103,275	2	TRUNG TÍNH	49,048	6.3	1.3	61
IJC	13.65	3,571,720	2	TRUNG TÍNH	3,438	7.1	0.9	49
FPT	79.6	592,955	2	TRUNG TÍNH	87,323	16.4	4.1	47
HAH	38.3	1,227,800	2	TRUNG TÍNH	2,694	3.7	1.2	47
IDJ	11	4,028,425	2	TRUNG TÍNH	1,908	12.7	1.0	44
BCG	7.85	5,544,670	2	TRUNG TÍNH	4,188	10.1	0.6	44
ANV	32.2	1,284,380	2	TRUNG TÍNH	4,287	6.1	1.4	41
IDI	11.75	3,447,295	2	TRUNG TÍNH	2,675	4.9	0.8	41
PNJ	77.6	501,135	2	TRUNG TÍNH	25,453	13.5	3.0	39
SBT	15.1	2,562,040	2	TRUNG TÍNH	10,165	15.7	1.1	39
PVC	15.6	1,862,200	2	TRUNG TÍNH	780	88.6	1.1	29
PLX	36.5	1,194,595	1	TRUNG TÍNH	46,377	31.6	1.9	44
STB	25.7	19,610,330	0	TRUNG TÍNH	48,450	9.6	1.3	504
SHB	11.85	30,965,636	0	TRUNG TÍNH	36,343	4.7	0.8	367
NVL	14.2	25,300,076	0	TRUNG TÍNH	27,691	12.2	0.7	359
SHS	10.1	23,967,436	0	TRUNG TÍNH	8,213	41.8	0.9	242
CEO	23.1	9,449,445	0	TRUNG TÍNH	5,945	21.3	1.8	218

MBB	18.3	9,675,375	0	TRUNG TÍNH	82,972	4.7	1.1	177
TCB	28.9	5,106,410	0	TRUNG TÍNH	101,648	5.0	0.9	148
ACB	24.95	4,621,780	0	TRUNG TÍNH	84,267	6.2	1.4	115
PDR	13.4	7,614,420	0	TRUNG TÍNH	9,000	7.8	1.1	102
MWG	40	2,530,565	0	TRUNG TÍNH	58,535	14.1	2.4	101
DCM	24.6	3,132,880	0	TRUNG TÍNH	13,023	3.2	1.2	77
NLG	29.6	2,313,545	0	TRUNG TÍNH	11,369	23.2	1.3	68
HQC	4.15	15,864,510	0	TRUNG TÍNH	1,978	105.2	0.5	66
SCR	7.01	7,381,175	0	TRUNG TÍNH	2,774	55.3	0.6	52
KDH	28.6	1,571,200	0	TRUNG TÍNH	20,501	19.8	1.8	45
ORS	11.6	3,150,995	0	TRUNG TÍNH	2,320	17.1	1.0	37
BSI	26.3	1,288,930	0	TRUNG TÍNH	4,926	35.4	1.1	34
TNG	17.4	1,843,585	0	TRUNG TÍNH	1,829	6.1	1.1	32
HDG	32.2	905,350	0	TRUNG TÍNH	7,876	7.2	1.5	29
VGC	34.6	834,615	0	TRUNG TÍNH	15,513	9.0	2.0	29
TCM	50.5	503,615	0	TRUNG TÍNH	4,138	17.4	2.1	25
ASM	8.5	2,866,825	0	TRUNG TÍNH	2,860	4.5	0.6	24
L14	48.5	501,925	0	TRUNG TÍNH	1,497	78.8	3.7	24
HPX	4.25	5,397,880	0	TRUNG TÍNH	1,293	11.9	0.4	23
DPG	28.6	780,900	0	TRUNG TÍNH	1,802	4.7	1.1	22
VIB	20.8	4,938,695	-1	TRUNG TÍNH	43,840	5.2	1.3	103
IDC	38	2,548,695	-1	TRUNG TÍNH	12,540	7.4	2.5	97
HPG	20.65	18,384,400	-2	TRUNG TÍNH	120,075	14.2	1.3	380
DIG	16.2	19,918,244	-2	TRUNG TÍNH	9,880	64.8	1.3	323
KBC	24.65	6,005,440	-2	TRUNG TÍNH	18,921	12.4	1.2	148
POW	13.1	7,546,765	-2	TRUNG TÍNH	30,679	14.9	1.0	99
FTS	26.75	2,661,820	-2	TRUNG TÍNH	5,218	16.0	1.6	71
MBS	16	3,836,040	-2	TRUNG TÍNH	8,563	11.6	1.4	61
DBC	14.7	3,761,155	-2	TRUNG TÍNH	3,557	23.7	0.7	55
PVT	20.7	2,366,740	-2	TRUNG TÍNH	6,700	7.8	1.1	49
SZC	30.7	1,243,530	-2	TRUNG TÍNH	3,070	17.5	2.0	38
BID	44.45	823,125	-2	TRUNG TÍNH	224,851	12.4	2.3	37
VPI	54.6	587,510	-2	TRUNG TÍNH	13,213	23.9	3.8	32
APS	12	2,598,785	-2	TRUNG TÍNH	996	#N/A N/A	1.0	31
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
CTD	45.85	603,195	-2	TRUNG TÍNH	3,386	163.2	0.4	28
CTG	29.1	1,853,000	-3	TRUNG TÍNH	139,847	8.3	1.3	54
PC1	27.75	1,527,920	-3	TRUNG TÍNH	7,505	16.3	1.5	42
GVR	15.3	2,740,345	-3	TRUNG TÍNH	61,200	15.9	1.2	42
DXG	12.75	18,181,424	-4	TIỂU CỰC	7,778	34.7	0.8	232
HSG	15.35	14,369,530	-4	TIỂU CỰC	9,180	#N/A N/A	0.9	221
NKG	14.65	10,152,745	-4	TIỂU CỰC	3,857	#N/A N/A	0.7	149
LPB	14.8	9,262,300	-4	TIỂU CỰC	25,591	5.0	1.1	137
GEX	12.65	9,666,295	-4	TIỂU CỰC	10,771	29.2	0.9	122
VHM	50	2,025,010	-4	TIỂU CỰC	217,718	7.6	1.5	101
CII	14.9	5,584,625	-4	TIỂU CỰC	3,758	5.0	0.7	83
VRE	28.6	2,610,725	-4	TIỂU CỰC	64,988	23.4	1.9	75
KSB	25.65	2,886,535	-4	TIỂU CỰC	1,957	15.0	1.0	74

DPM	34.3	1,927,470	-4	TIÊU CỰC	13,423	2.4	1.0	66
VCB	88.4	663,345	-4	TIÊU CỰC	418,354	14.0	3.1	59
CTS	16.6	2,441,285	-4	TIÊU CỰC	2,439	33.6	1.3	41
HUT	15.9	2,116,595	-4	TIÊU CỰC	5,543	38.3	1.4	34
PLC	32.2	715,805	-4	TIÊU CỰC	2,602	22.2	2.1	23
SSI	21.2	22,142,656	-5	TIÊU CỰC	31,782	14.6	1.4	469
VPB	20.5	18,981,060	-5	TIÊU CỰC	137,621	7.5	1.4	389
VND	14.85	25,463,616	-5	TIÊU CỰC	18,085	14.8	1.2	378
VCI	30.8	7,050,535	-5	TIÊU CỰC	13,413	15.4	2.1	217
VCG	19.5	9,617,970	-5	TIÊU CỰC	9,475	8.1	1.4	188
HCM	25.25	6,566,255	-5	TIÊU CỰC	11,545	13.5	1.5	166
LCG	12.05	9,902,030	-5	TIÊU CỰC	2,285	12.1	0.9	119
HHV	12.8	7,402,655	-5	TIÊU CỰC	3,940	13.0	0.5	95
VIX	7.5	11,848,655	-5	TIÊU CỰC	4,366	10.2	0.6	89
TCH	7.36	6,107,150	-5	TIÊU CỰC	4,918	27.5	0.6	45
FCN	11.35	2,458,625	-5	TIÊU CỰC	1,787	45.1	0.7	28
VIC	52.9	1,993,855	-7	TIÊU CỰC	201,757	22.3	1.8	105
VNM	72.8	1,101,610	-7	TIÊU CỰC	152,149	20.0	5.1	80

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Tin tức thế giới 14-4: Trung Quốc phong tỏa tài sản nghị sĩ Mỹ; Đức lên tiếng chuyện Đài Loan

Ngày 13-4, Bộ Ngoại giao Trung Quốc trừng phạt ông Michael McCaul, chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Mỹ, vì đã đến thăm Đài Loan.

Phía Trung Quốc cho rằng ông McCaul đã gửi một "tín hiệu sai lầm nghiêm trọng đến các lực lượng ly khai đòi độc lập của Đài Loan".

Theo đó, ông McCaul sẽ không được phép nhập cảnh vào Trung Quốc, bị cấm tương tác với các tổ chức và cá nhân ở Trung Quốc và mọi tài sản của ông ấy ở Trung Quốc sẽ bị phong tỏa.

Nguồn: tuoitre.vn

Tiền gửi vào các ngân hàng lớn của Mỹ giảm kỷ lục 521 tỉ USD

Theo các nhà phân tích tài chính, tiền gửi tại 3 ngân hàng JPMorgan Chase, Wells Fargo và Bank of America giảm 521 tỉ USD so với một năm trước đó, mức giảm lớn nhất trong một thập kỷ.

Chỉ trong quý đầu tiên năm 2023, số tiền gửi vào 3 ngân hàng trên đã sụt giảm 61 tỉ USD. Điều này xảy ra sau cuộc khủng hoảng của 3 ngân hàng Silvergate, Silicon Valley Bank (SVB) và Signature Bank (SB) vừa qua.

Các ngân hàng lớn nhất của Mỹ dự kiến trong tuần này sẽ công bố chính thức số tiền gửi tiết kiệm trong những tháng gần đây.

Ngân hàng Western Alliance Bancorp. đã học được bài học "giấu dữ liệu" một cách đau đớn vào tuần trước, khi công bố thông tin tài chính cập nhật mà bỏ qua dữ liệu về mức tiền gửi. Các cổ đông nổi giận và cổ phiếu của ngân hàng ngay lập tức sụt giảm.

Theo Hãng tin Bloomberg, tình trạng hỗn loạn hiện nay của khối ngân hàng cũng đang đè nặng lên cổ phiếu của họ. Chỉ số cổ phiếu Ngân hàng KBW (Keefe, Bruyette & Woods Bank) đã giảm 19% trong năm nay và mất 25% chỉ trong tháng 3-2023. Các ngân hàng khu vực là những ngân hàng thua lỗ nhiều nhất trong giai đoạn này, với cổ phiếu First Republic Bank giảm 89%.

Nguồn: tuoitre.vn

13 bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân đầu tư công 0%

Quý I/2023, tổng số giải ngân của 17 bộ, ngành, cơ quan trung ương chỉ đạt 0,04% kế hoạch, trong đó có đến 13 đơn vị tỷ lệ giải ngân 0%.

Trong 17 đơn vị thuộc diện kiểm tra giải ngân vốn đầu tư công có: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội..., các địa phương: TP.HCM, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

Báo cáo tổng hợp của Bộ KH&ĐT cho thấy, tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 Thủ tướng Chính phủ giao cho 17 bộ, cơ quan trung ương thuộc Tổ công tác số 1 là trên 38,319 nghìn tỷ đồng.

Tuy nhiên, trong quý I/2023, tổng số giải ngân của 17 bộ, ngành, cơ quan trung ương chỉ đạt 0,04% kế hoạch, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước (10,35%). Đáng chú ý, có 13 bộ, cơ quan trung ương chưa giải ngân (tỷ lệ giải ngân 0%), 4 bộ, cơ quan trung ương đã giải ngân nhưng đều dưới 2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Bày tỏ chưa hài lòng trước thực tế hết quý I/2023 tiến độ giải ngân của các bộ ngành, cơ quan trung ương thuộc Tổ công tác số 1 "rất chậm", tỷ lệ giải ngân rất thấp, thậm chí có cơ quan chưa giải ngân, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái yêu cầu, đại diện các bộ ngành, cơ quan phải trao đổi thẳng thắn, nêu rõ khó khăn, vướng mắc ở chỗ nào, khâu nào, để làm rõ trách nhiệm và có giải pháp xử lý phù hợp, hiệu quả.

Nguồn: cafef.vn

Xuất khẩu lâm sản, thủy sản áp lực với mục tiêu 27,5 tỷ USD

Trước tác động không tích cực từ kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao tại nhiều thị trường lớn, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nước ta đã suy giảm mạnh trong quý I/2023.

Số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản quý I chỉ đạt 20,63 tỷ USD, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 11,19 tỷ USD, giảm 14,4%; nhập khẩu ước đạt 9,44 tỷ USD, giảm 7,2%; xuất siêu 1,76 tỷ USD, giảm 39,6% so với cùng kỳ năm 2022...

Trong đó, thủy sản quý I đạt khoảng 1,85 tỷ USD, giảm 27% so với quý I/2022; xuất khẩu gỗ và lâm sản quý I/2023 đạt 3,1 tỷ USD, giảm 28,3%.

Năm 2022, ngành nông nghiệp đã đạt được mức tăng trưởng ngoạn mục, vượt chỉ tiêu đặt ra; ngành sản xuất, chế biến đồ gỗ và lâm sản tiếp tục lập kỷ lục mới về giá trị xuất khẩu đạt 17,1 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm 2021, trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ đạt 16,01 tỷ USD, lâm sản ngoài gỗ đạt 1,09 tỷ USD, thủy sản năm 2022 đạt 11 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021, là mức cao nhất từ trước đến nay và lần đầu tiên gia nhập CLB xuất khẩu trên 10 tỷ USD.

Thủy sản, lâm sản về đích với kết quả cao đã góp vào bức tranh xuất khẩu toàn ngành nông nghiệp trên 53 tỷ USD, tăng 9,3% so với năm 2021, thặng dư thương mại toàn ngành tăng 30%, đạt 8,5 tỷ USD.

Tuy nhiên, áp lực xuất khẩu của ngành nông nghiệp, trong đó có lâm sản, thủy sản trong năm 2023 là cực lớn, khi các chỉ dấu không thuận lợi xuất hiện nhiều hơn. Các nhà nhập khẩu giảm mua hàng, dựng lên nhiều rào cản mới, yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn hàng hóa nhập khẩu...

Với ngành lâm sản, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không những suy giảm, mà đòi hỏi về nguyên liệu dùng để chế biến gỗ tại Mỹ, EU được thắt chặt hơn.

Nguồn: baodautu.vn

Bộ Tài chính: Doanh nghiệp có trách nhiệm đến cùng đối với nghĩa vụ nợ trái phiếu

Theo Bộ Tài chính, thời gian qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định 08/2023/NĐ-CP trong bối cảnh cần phải tháo gỡ một số khó khăn ngắn hạn cho doanh nghiệp, đồng thời vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

Tuy nhiên, bên cạnh các giải pháp chính sách tại Nghị định số 08/2023/NĐ-CP nêu trên, để phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp an toàn, lành mạnh và củng cố niềm tin của nhà đầu tư, từng chủ thể tham gia trên thị trường tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Cụ thể, về phía doanh nghiệp, Bộ Tài chính khẳng định, các doanh nghiệp còn dư nợ trái phiếu có trách nhiệm đến cùng đối với nghĩa vụ nợ trái phiếu, chủ động minh bạch hóa thông tin tình hình tài chính, khả năng trả nợ của doanh nghiệp thông qua kết quả xếp hạng tín nhiệm, kiểm toán báo cáo tài chính, công bố đầy đủ thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu, tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu, có trách nhiệm thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố thông tin cho nhà đầu tư để đảm bảo uy tín trên thị trường.

Về phía nhà đầu tư, cần có hiểu biết đầy đủ về quy định của pháp luật, tiếp cận đầy đủ thông tin về doanh nghiệp phát hành và trái phiếu, đánh giá kỹ tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành, phân biệt rõ sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp không phải là tiền gửi ngân hàng, đánh giá mức độ rủi ro tương xứng với lợi nhuận khi đầu tư trái phiếu, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ, Bộ Tài chính cho rằng các đơn vị này phải có trách nhiệm nâng cao chất lượng dịch vụ, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và thực hiện nghĩa vụ báo cáo, tư vấn và cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu, làm rõ sự khác biệt giữa trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, tuyệt đối không được mời chào nhà đầu tư không đáp ứng đủ điều kiện trở thành nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua trái phiếu. Cơ quan quản lý nhà nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Nguồn: cafef.vn

ĐHCD Eximbank: Bầu bổ sung nhân sự cấp cao, dự kiến lợi nhuận 5.000 tỷ đồng trong năm nay, chia cổ tức tỷ lệ 18%

Eximbank dự kiến tăng vốn điều lệ lên hơn 17.469 tỷ đồng trong năm nay và lợi nhuận tăng trưởng xấp xỉ 35% so với năm trước.

Theo báo cáo của ban lãnh đạo trước đại hội cổ đông, năm 2023, nền kinh tế còn nhiều khó khăn thách thức. Các nhà điều hành phấn đấu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, ban lãnh đạo ngân hàng đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

Về việc phân bổ lợi nhuận năm 2022, sau khi trừ thuế, trích lập các quỹ, cộng thêm lợi nhuận chưa phân phối từ các năm trước, ngân hàng còn 2.780 tỷ đồng có thể dùng để chia cổ tức. Trên cơ sở đó, ban lãnh đạo ngân hàng trình cổ đông kế hoạch trích 2.655 tỷ từ nguồn ngân sách kế trên để chia cổ tức.

Bên cạnh đó, theo Chỉ thị 01/CT NHNN ngày 17/01/2023 của Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm ngành ngân hàng trong năm 2023 và Quyết định 689/QĐ TTG ngày 08/06 về việc cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025, các ngân hàng có vốn điều lệ thấp hơn 15.000 tỷ thì không được chia cổ tức bằng tiền mặt.

Sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2017-2021 vốn điều lệ của Eximbank là 14.814 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, ban lãnh đạo ngân hàng kiến nghị chia cổ tức bằng cổ phiếu để đáp được quy định của pháp luật. Tỷ lệ dự chia là 18% (100 cổ phiếu sẽ nhận 18 cổ phiếu thưởng).

Về lợi nhuận, ngân hàng dự kiến lợi nhuận trước thuế là 5.000 tỷ, tăng trưởng 35% so với năm 2022.

Tổng tài sản ngân hàng sẽ đạt ngưỡng 210.000 tỷ, tăng 13,5% so với năm 2022; Dư nợ tín dụng ở mức 146.600 tỷ, tăng 12,3% so với cuối năm trước; tỷ lệ nợ xấu nội bảng không chế dưới 1,6%.

Về nguồn vốn, Eximbank dự kiến tăng vốn điều lệ lên hơn 17.469 tỷ; huy động vốn từ thị trường 1 và 2 đạt 165.000 tỷ, tăng 11%.

Nguồn: cafe.vn

Chi phí nhiên liệu tăng cao, Nhiệt điện Hải Phòng (HND) báo lãi quý 1/2023 giảm 96%

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (UpCOM: HND) đã công bố BCTC quý 1/2023 với mức lợi nhuận sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

Theo đó doanh thu thuần trong kỳ đạt 2.571 tỷ đồng – tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên giá vốn hàng bán chiếm tới hơn 98% trong doanh thu khiến lãi gộp chỉ còn 47,5 tỷ đồng – giảm mạnh so với con số gần 321 tỷ đồng của quý 1/2022.

Trong kỳ hoạt động tài chính có biến chuyển tích cực khi doanh thu tăng gấp 2,5 lần lên hơn 7 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm gần một nửa từ hơn 31 tỷ đồng xuống còn 17,7 tỷ đồng.

Do lãi gộp giảm mạnh, thêm vào đó chi phí QLDN cũng tăng nên kết quả Nhiệt điện Hải Phòng chỉ có lãi 10,7 tỷ đồng trước thuế, giảm mạnh so với con số gần 272 tỷ đồng của quý 1 năm ngoái. Sau khi trừ chi phí thuế, lãi ròng đạt hơn 10 tỷ đồng giảm

Theo giải trình từ phía công ty nguyên nhân lợi nhuận sụt giảm là do sản lượng điện quý 1 thấp hơn so với cùng kỳ trong khi giá than tăng so với cùng kỳ dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng. Đồng thời chi phí QLDN cũng tăng 5,6 tỷ đồng so với quý 1/2022.

Kết quả kinh doanh này đã được dự báo trước khi mà sau 2 tháng đầu năm nay công ty đã thông báo doanh thu sản xuất điện đạt 1.527 tỷ đồng và lợi nhuận sản xuất điện trước thuế là lỗ 20 tỷ đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

Chủ tịch Vinaconex: Lợi nhuận đầu tư công không cao, làm 10.000 tỷ nhưng lợi nhuận chỉ chiếm 2-3%

Sáng 14/4 đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex - Mã: VCG).

Năm 2023, tổng công ty lên mục tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất 16.340 tỷ đồng, tăng 70% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến giảm 8% xuống còn 860 tỷ đồng.

Trong đó tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ kỳ vọng đạt 10.270 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ là 345 tỷ, tăng lần lượt 25% và 22% so với năm 2022.

Trong giai đoạn 2022 – 2025, ban lãnh đạo Vinaconex xác định xây lắp là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản lượng, doanh thu hàng năm của tổng công ty. Trong đó, các dự án hạ tầng giao thông có vốn đầu tư công vẫn sẽ là động lực dẫn dắt chính trong việc tăng trưởng quy mô.

Về kế hoạch chi trả cổ tức, Vinaconex dự kiến chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, tương ứng với việc công ty sẽ phát hành hơn 48,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức. Sau phát hành, vốn điều lệ của công ty sẽ tăng từ 4.859 tỷ lên hơn 5.344 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành trong năm 2023 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Đối với năm 2023, công ty dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 10% song không đề cập cụ thể là bằng tiền mặt hay cổ phiếu.

Năm nay, Vinaconex cũng dự kiến hoàn thành bán hàng và bàn giao các căn hộ tại các dự án: Green Diamond số 93 Láng hạ; Dự án khu dân cư đô thị tại Km3, Km4 phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, Quảng Ninh; triển khai bán hàng tại Dự án khu đô thị Đại lộ Hoà Bình (Móng Cái), khu đô thị mới Cái Giá Cát Bà Amatina...

Ngoài ra sẽ hoàn thiện các thủ tục và triển khai thực hiện các dự án khác: Khu đô thị mới Thiên Ân (Vinaconex 25); Dự án khu đô thị nghỉ dưỡng Tuy Hoà, Phú Yên...

Lợi nhuận Vinaconex phụ thuộc vào nhiều yếu tố, dựa trên ba trụ cột.

Việc đầu tư tài chính thì ổn định, đầu tư bất động sản thì lợi nhuận các hạng mục lớn nhưng số lượng hạng mục ghi nhận cho 2023 không nhiều.

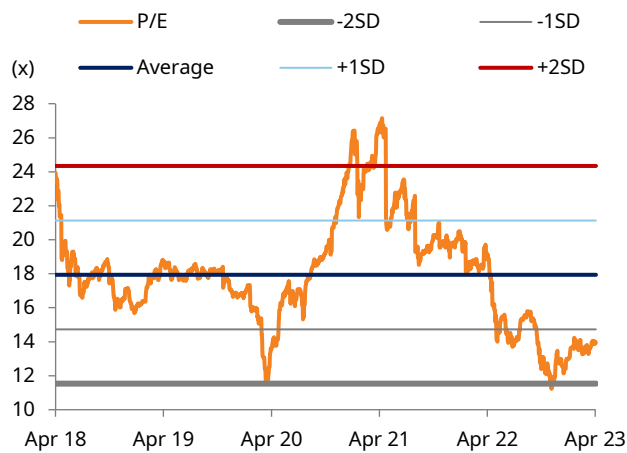
"Giá trị đầu tư công rất lớn nhưng nhà thầu mang tinh thần "ăn no vác nặng" nên lợi nhuận không cao. Nhưng tại sao phải làm vì đó là một trong những trụ cột chính của tổng công ty. Không phải làm lấy lố nhưng lợi nhuận về đầu tư công không cao, làm 10.000 tỷ nhưng lợi nhuận chỉ 2-3%", ông Thanh chia sẻ.

Nguồn: vietnambiz.vn

Bản tin thị trường

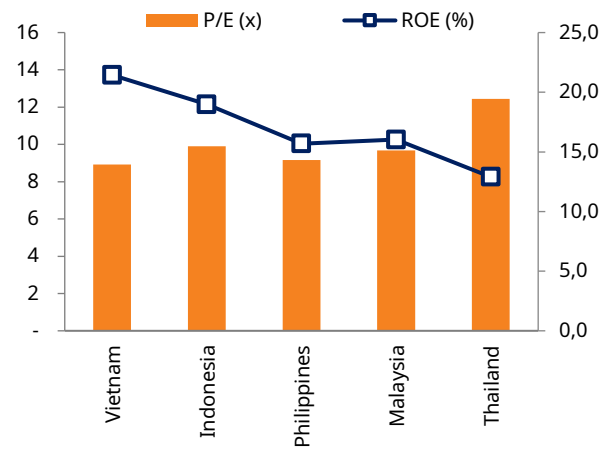
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



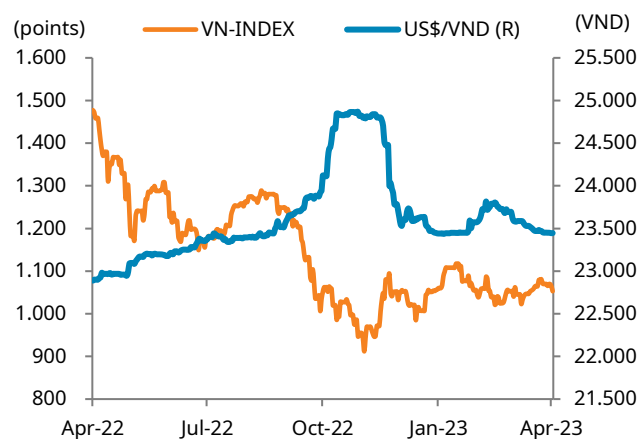
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



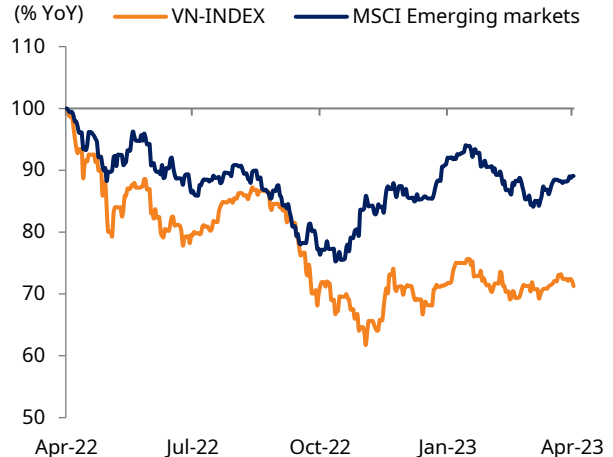
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



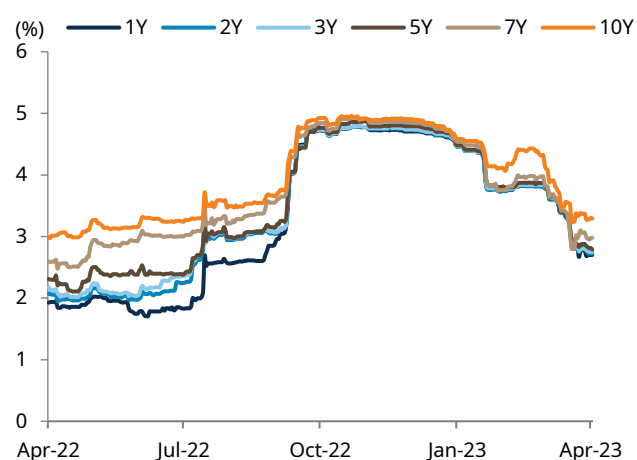
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



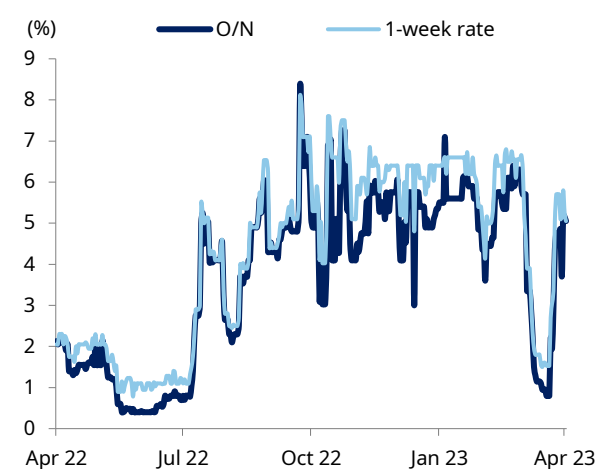
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,246,200	1,052.89	1,484.34	873.78	-1.1	-1.6	1.2	-28.5	13.9	1.7	13.7		
VN30 Index		3,084,143	1,063.43	1,534.28	863.31	-1.0	-1.4	2.5	-29.9	11.1	1.7	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	84,267	24,950	27,320	17,450	0.0	-0.4	3.7	-7.7	6.2	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	224,851	44,450	48,000	28,000	-1.1	-2.6	-1.3	9.8	12.4	2.3	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	139,847	29,100	31,900	19,500	-1.0	-1.4	0.3	-6.7	8.3	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	49,048	19,500	22,480	13,050	-1.0	0.3	8.0	-10.7	6.3	1.3	23.5	19.4	0.8
MBBank	MBB VN	82,972	18,300	27,417	13,200	-1.3	-1.6	6.4	-32.0	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	48,450	25,700	31,500	14,050	-2.8	-1.2	5.3	-16.6	9.6	1.3	13.8	26.5	3.5
Techcombank	TCB VN	101,648	28,900	48,350	19,300	-4.3	-2.2	9.9	-38.9	5.0	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	36,697	23,200	40,000	18,300	0.0	0.4	-4.1	-40.6	5.9	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	418,354	88,400	96,300	62,000	0.2	-1.8	-2.9	9.1	14.0	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	43,840	20,800	33,556	16,200	-1.7	-0.5	2.7	-37.3	5.2	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	137,621	20,500	27,067	13,650	-0.5	-1.9	5.7	-22.2	7.5	1.4	20.7	17.5	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	31,782	21,200	40,368	13,050	-2.5	-5.8	11.3	-46.3	14.6	1.4	9.3	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	35,631	48,000	70,000	41,200	-0.8	-1.0	-1.4	-23.2	23.0	1.7	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	82,076	79,300	101,800	58,200	-0.6	-1.1	-4.6	3.3	58.5	4.8	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	27,691	14,200	87,800	10,050	-2.1	6.0	32.7	-83.3	12.2	0.7	6.2	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,000	13,400	67,131	9,940	-4.3	-0.7	13.6	-79.6	7.8	1.1	15.0	2.9	46.1
Vinhomes JSC	VHM VN	217,718	50,000	73,500	39,400	-1.0	-1.4	11.7	-30.8	7.6	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	201,757	52,900	82,200	49,700	-0.2	-2.8	-0.2	-35.3	22.3	1.8	8.4	12.8	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	64,988	28,600	32,400	21,400	0.7	-2.1	-0.7	-10.2	23.4	1.9	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	58,535	40,000	81,400	35,250	-2.6	2.6	3.6	-49.8	14.1	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	111,193	78,100	127,500	69,100	-1.4	0.6	-6.6	-37.9	31.1	4.3	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	107,094	167,000	203,000	149,000	-1.5	-5.6	-12.1	0.1	21.0	4.6	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	152,149	72,800	85,600	64,500	-1.0	-2.5	-5.0	-4.6	20.0	5.1	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,377	36,500	55,700	22,950	-1.9	-3.2	-1.6	-33.3	31.6	1.9	6.0	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	61,200	15,300	37,200	9,300	-4.1	-3.8	7.0	-55.7	15.9	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,075	20,650	35,038	11,800	1.0	-2.6	1.7	-40.2	14.2	1.3	9.1	23.6	25.4
FPT Corp	FPT VN	87,323	79,600	99,083	61,300	0.0	-1.1	1.1	-18.1	16.4	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	53,349	98,500	144,300	94,000	-0.8	-4.4	-3.1	-28.0	N/A	3.6	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	187,758	98,100	134,000	92,600	-1.9	-3.1	-8.9	-12.1	12.8	3.1	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,679	13,100	16,400	8,910	-2.6	0.4	1.9	-15.8	14.9	1.0	7.0	7.7	41.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.